

LĨNH HỘI TỪ VỰNG NGOẠI NGỮ: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT CHO VIỆC DẠY VÀ HỌC TỪ VỰNG

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG * - LƯƠNG TRUNG KIÊN **

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa song hành với phát triển mạnh mẽ của giáo dục, giao tiếp giữa các nền văn hóa, các cá nhân luôn là nhu cầu không ngừng phát triển với số lượng người sử dụng song ngữ đã gia tăng mạnh mẽ và thâm chí còn nhiều hơn cả số lượng người đơn ngữ. Do đó, các chương trình giáo dục song ngữ gần đây cũng được tăng lên. Để đạt được một trong những mục tiêu của giáo dục đồng thời thúc đẩy người học tăng cường từ vựng là một phần rất quan trọng. Do đó, các chủ đề liên quan tới thụ đắc từ vựng ngoại ngữ và ứng dụng phương pháp sư phạm phù hợp là trọng tâm của các nhà nghiên cứu. Hiểu cách người học ngoại ngữ đạt được lượng từ vựng mong muốn có thể giúp các nhà nghiên cứu và giáo viên nắm bắt cách dạy từ vựng hiệu quả hơn.

Từ khóa: Thụ đắc từ vựng ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy, song ngữ.

Abstract: "With globalization and the spread of education", communications between cultures and individuals are steadily increasing. The number of bilingual individuals has increased dramatically and is already greater than that of monolinguals. Thus, bilingual educational programs for dual language learners have risen recently. To achieve one of the goals of education - literacy, promoting learners' lexical growth plays a crucial part. Therefore, the topics of second language vocabulary acquisition and pedagogical implications are the focus of researchers. Understanding how second language learners acquire lexical items can help educators and teachers know how to teach vocabulary more effectively.

Keywords: Second language vocabulary acquisition, teaching pedagogy, bilingualism.

1. Bối cảnh và vấn đề nghiên cứu

Biết đọc, viết (literacy) là một mục tiêu quan trọng của giáo dục nói chung và giáo dục song ngữ nói riêng. Theo Srivastave, biết đọc, viết được định nghĩa là một kỹ năng giao tiếp liên quan tới dạng thức văn bản được chuyển tải dưới dạng lời nói trong một môi trường xã hội không ngừng phát triển. Nó là công cụ để thay đổi nhận thức cá nhân và nhận biết của tổ chức và điều này sẽ mang lại hiệu quả tạo điều kiện tiên quyết cho các chức năng giáo dục [2]. Thành công trong học thuật cũng như trong xã hội được gắn kết mật thiết cùng với sự phát triển của giáo dục ngôn ngữ [2]. Tiếp thu kiến thức từ vựng đóng một phần quan trọng trong việc phát triển khả năng đọc viết. Kiến thức từ vựng là một yếu tố quan trọng cho những chuỗi thành công tiếp theo [9]. Các vấn đề về từ vựng trở nên đặc biệt quan trọng đối với việc học tiếng Anh ở lứa tuổi mẫu giáo - đối tượng có kiến thức và từ vựng tiếng Anh hạn chế và mới bắt đầu đi học trong môi trường giảng dạy tập trung vào tiếng Anh [6]. Trong môi trường mà ngoại ngữ (second language - L2) là ngôn ngữ chính thức, trẻ em sử dụng tiếng mẹ đẻ (first language - L1) sẽ

* ThS - Viện Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội; Email: phuong.nguyenthithanh@hust.edu.vn

** ThS - Viện Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội.

gặp hạn chế về từ vựng L2 trong quá trình học tập [9]. Do đó, hiểu được việc tiếp thu từ vựng song ngữ, đặc biệt là tác động của việc dạy học là rất quan trọng. Các chiến lược học ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy là cần thiết để tạo điều kiện cho người học tiếp thu kiến thức từ vựng song ngữ.

2. Đánh giá tổng quan

2.1. Tiếp thu từ vựng L2

Từ vựng là một trong những thành tố cơ bản của ngôn ngữ. Cummins đã đề xuất một mô hình về mối quan hệ giữa 'hỗ trợ' và 'phụ thuộc lẫn nhau' để học từ vựng trong mối quan hệ giữa tiếng Tây Ban Nha (L1) và tiếng Anh (L2) [6]. Trong mô hình này, người học sử dụng sự hiểu biết về từ vựng có được trong L1 như một cơ sở tri thức để tạo điều kiện cho việc học L2. Theo mô hình liên kết của deGroot & Hoeks, giai đoạn đầu của người học song ngữ, việc phát triển từ vựng L2 được hỗ trợ thông qua kiến thức từ vựng đã có của L1 [6]. Qua đối chiếu so sánh, Jiang cho rằng so với việc lĩnh hội L1, việc phát triển từ vựng L2 không nhất thiết phải đi kèm với sự phát triển ngữ nghĩa học: người học L2 ở độ tuổi trưởng thành thường phụ thuộc vào hệ thống ngữ nghĩa có sẵn [3]. Theo mô hình Kroll và Steward, khi lĩnh hội L2 sau giai đoạn mầm non, người học đã có một mối liên hệ mật thiết giữa khả năng nhớ khái niệm và từ vựng L1. Ở giai đoạn đầu học L2, từ vựng ngôn ngữ thứ hai được gắn liền với hệ thống bằng các liên kết từ vựng với L1. Khi những người có song ngữ sẽ cân bằng hơn về trình độ ngôn ngữ và họ cũng có được các liên kết khái niệm trực tiếp. Sự chuyên đôi từ một hệ thống từ vựng liên kết với nhau thành hai hệ thống độc lập riêng biệt có thể liên quan đến việc chuyên đôi từ các kỹ năng giao tiếp cơ bản giữa các cá nhân (BICS) sang nhận thức thành thạo ngôn ngữ (CALP) [6]. BICS bao gồm các kỹ năng cần thiết cho sự lưu loát và phù hợp về mặt xã hội học ví dụ như trẻ có những giao tiếp cơ

bản trong môi trường xung quanh [1]. Sau này, CALP đề cập đến việc phát triển trình độ ngôn ngữ, bao gồm cả kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng đọc viết về ngôn ngữ và kỹ năng cần thiết trong học tập. Cummins đề xuất BICS phát triển trong khoảng hai đến ba năm học ngôn ngữ và CALP có thể có được sau năm đến bảy năm. Do sự phụ thuộc vào ngôn ngữ đầu tiên trong giai đoạn đầu học ngôn ngữ, hướng dẫn L1 phù hợp có thể giúp thúc đẩy người học L2 tiếp thu từ vựng hiệu quả hơn.

2.2 Kiến thức từ vựng

Đối với L2, học từ vựng là một quá trình phức tạp bao gồm nhiều quy trình và yếu tố phụ khác nhau [3]. Trước khi một từ tự trở thành một phần chức năng ngôn ngữ của cá nhân, nó phải được công nhận là một từ, thuộc tính, hình thái và ngữ nghĩa của nó phải được học, và phải được lưu vào não bộ để có thể tự sử dụng khi cần. Kiến thức từ vựng bao gồm nhiều khía cạnh của một từ: nghĩa đen, cấu trúc cú pháp, các lựa chọn hình thái và ngữ nghĩa có liên quan [9]. Do đó, việc sử dụng từ vựng L2 liên quan đến hai khía cạnh. Thứ nhất, khả năng lĩnh hội ngữ nghĩa về mặt tri tuệ, liên quan tới khả năng quy nạp và bề dày kiến thức từ vựng [3]. Bề dày kiến thức là ước tính chung về lượng từ vựng mà người học biết. Thứ hai là sự liên kết các nội dung của từ vựng được giới thiệu. Ở cấp độ này, người học ngôn ngữ biết nhiều hơn về một từ, chẳng hạn như các tính năng chính của nó, chức năng cú pháp, khả năng giao tiếp, đặc điểm ưu việt. Khía cạnh này đề cập đến độ sâu của kiến thức từ vựng. Nó liên quan đến sự hiểu biết sâu về ngữ nghĩa của một từ, kiến thức về sự khác biệt về ngữ nghĩa giữa một từ trong L2 và tương đương L1 hoặc mối liên hệ giữa một từ với các từ khác trong L2, hiểu kỹ từ có ý nghĩa cốt lõi để biết sâu, nghĩa rộng, nghĩa bóng và quan niệm [3].

2.3. Độ sâu từ vựng

Độ sâu từ vựng bao gồm nhận thức về hình

thái học, về các mối quan hệ ngữ nghĩa và cú pháp. Có kiến thức về hình thái học, trẻ em có thể khái quát được ý nghĩa của các từ gốc đối với các dẫn xuất hình thái của chúng và áp dụng chúng trên các bối cảnh cú pháp [8]. Dường như kiến thức hình thái có liên quan đến việc đọc hiểu. Trong nghiên cứu của Nagy, Beringer và Abbott chỉ ra rằng nhận thức hình thái có ảnh hưởng không lớn nhưng quan trọng đến việc đọc hiểu [8]. Về mặt cú pháp, việc hiểu cấu trúc ngôn ngữ cũng rất quan trọng để trẻ phát huy chiều sâu từ vựng. Makhtari và Thompson lưu ý rằng nhận thức cú pháp có liên quan đáng kể đến sự lưu loát và khả năng đọc hiểu [8]. Hơn nữa, Low và Seigel đã phát hiện ra người bản ngữ nói tiếng Anh vượt trội hơn người học tiếng Anh về nhận thức cú pháp [8].

Về ngữ nghĩa học, có kiến thức ngữ nghĩa tốt cho phép trẻ em nhạy bén với các khía cạnh của từ đa nghĩa trong môi trường xã hội và học thuật; từ khác nhau được liên kết bởi bối cảnh; và sự hiểu biết giữa từ vựng và khái niệm [8]. Điều này có thể giúp người học dự đoán từ mới dựa trên ngữ cảnh hoặc hiểu cách từ liên quan để biểu đạt ý nghĩa. Quá trình phát triển ngữ nghĩa L2 bao gồm hai giai đoạn. Giai đoạn một là giai đoạn hiểu - giai đoạn định hình từ vựng, ngữ nghĩa cho phép một hình thức L2 mới được liên kết với các biểu đạt ngữ nghĩa cấp cao hơn để có thể lưu lại và sử dụng như một đơn vị có ý nghĩa trong từ vựng của người sử dụng [3]. Ellis lưu ý rằng ở giai đoạn đầu, lĩnh hội ngôn từ L2 thường liên quan đến định hình dạng từ mới tới các ý nghĩa khái niệm có sẵn trên cơ sở khái niệm ngữ nghĩa hoặc hoặc chuyển dịch tương đương L1 [3]. Giai đoạn hai là giai đoạn phát triển cho phép người học sử dụng từ vựng L2 một cách chính xác hoặc dưới góc độ thành ngữ. Ở giai đoạn này, người học phải liên tục kiểm tra nội dung ngữ nghĩa ban đầu của một từ so với nghĩa của các từ được thể hiện trong ngữ cảnh khác nhau

để đảm bảo tính phù hợp hay không. Kiến thức từ vựng của trẻ song ngữ phát triển trong môi trường ngôn ngữ và bối cảnh khi chúng tiếp xúc với từ ngữ sẽ dần nhận ra các từ trong tiếng mẹ đẻ liên quan đến các từ tương ứng trong ngôn ngữ khác như thế nào [6]. Nation và Snowling cho rằng ngữ nghĩa học và lượng từ vựng đóng góp đáng kể vào việc đọc hiểu cho người học ở độ tuổi thiếu niên (Xem thêm [8]).

Cấp độ ngữ nghĩa của một từ có ba quan hệ cơ bản: những tiêu chí thuộc trục đối vị (paradigmatic) gồm từ siêu cấp, từ đồng nghĩa; những tiêu chí thuộc trục kết hợp (syntagmatic) gồm những cụm từ; và phân tích (từ đại diện cho một yếu tố chính của nghĩa của từ mục tiêu). Mỗi quan hệ của những tiêu chí thuộc trục đối vị (paradigmatic) là mối quan hệ phân cấp tầng lớp theo trục dọc do đó nó phản ánh mối quan hệ phân cấp giữa các nhóm đối tượng [9]. Ví dụ, từ "clothing" (quần áo) thuộc nhóm phân loại siêu cấp, và từ này bao gồm các loại cấp dưới như "T-shirts" (áo phông), "dresses" (váy) hoặc "pants" (quần). Mặt khác, Schwartz và Katzir cho rằng mối quan hệ cú pháp thể hiện theo chiều ngang bằng cách cung cấp thông tin mô tả hoặc mô tả chức năng. Việc tiếp xúc với L2 ở trường quan trọng hơn ở nhà trong việc tăng cường khả năng của người học với dạng bài tập định nghĩa [9]. Do đó, làm thế nào để dạy từ vựng cho người học song ngữ nên được xem xét kỹ lưỡng để mang lại lợi ích cho họ nhất.

3. Giải pháp và đề xuất

Người học L2 thường quan tâm đến ở mức độ nào về những hạn chế trong kiến thức từ vựng ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của họ vì từ vựng truyền tải thông tin cơ bản mà họ muốn hiểu và diễn đạt [4]. Tương tự, Proctor lưu ý rằng việc thành thạo các kỹ năng từ vựng là kết quả thiết yếu ban đầu hướng tới mục tiêu cơ bản là đọc để biết và hiểu [8]. Do đó, các chiến lược học tập và phương pháp giảng dạy là cần thiết để thúc đẩy việc tiếp thu từ vựng L2.

3.1. Tác động của việc học từ

Jiang kết luận rằng chi tiếp xúc với L2 một cách tự nhiên có thể không cung cấp đủ động lực cho việc tái cấu trúc và phát triển ngữ nghĩa [3]. Trước tiên, trẻ em xây dựng kiến thức thuộc trực kết hợp (syntagmatic), và từ sáu đến bảy tuổi nào bộ sẽ tổ chức lại hệ thống lưu ghi nhớ cho phép chuyển hướng sang xây dựng kiến thức thuộc trực đối vị (paradigmatic) [9]. Ở giai đoạn bắt đầu học, những người có song ngữ phát triển mối quan hệ cú pháp của họ giống như những người sử dụng đơn ngữ. Về mối quan hệ thuộc trực đối vị (paradigmatic), kiến thức sẽ phát triển khi được hướng dẫn trong lớp học và có thể góp phần cho sự phát triển các kỹ năng nhận thức bậc cao. Do đó, can thiệp của việc giảng dạy đóng một phần quan trọng trong việc hỗ trợ người học phát triển ngữ nghĩa học.

3.2. Giảng dạy ngôn ngữ

Có nhiều nghiên cứu cho rằng có sự chuyển giao kiến thức tích cực giữa L1 và L2 trong việc học từ vựng. Lugo-Neris và cộng sự phát hiện ra rằng, việc tăng cường sử dụng từ ngữ tiếng Tây Ban Nha (L1) trong việc đọc truyện tiếng Anh giúp trẻ em phát triển về kiến thức diễn đạt từ vựng tiếng Anh [6]. Do đó, việc cung cấp đầu vào ngôn ngữ mẹ đẻ theo cách dễ hiểu có thể mang lại lợi ích cho người học L2 ở giai đoạn đầu học tập, đặc biệt là trẻ em.

3.3. Phương pháp giảng dạy

Người học nên được dạy cả về số lượng và độ sâu của kiến thức từ vựng. Giảng về độ sâu của từ, sự phong phú ngữ nghĩa để trẻ hiểu từ có ảnh hưởng tích cực đến người học việc học từ vựng và đọc hiểu. Hơn nữa, từ vựng nên được giảng dạy trong ngữ cảnh. Người học nên được khuyến khích để giải thích các mối quan hệ ngữ nghĩa cơ bản giữa các từ và quan hệ từ [7]. Ngoài ra, người học có thể có được nhóm từ vựng bằng cách tiếp cận ngẫu nhiên hoặc có chủ ý. Tuy nhiên, Zou và Yan cho rằng mặc dù người học có thể học được nhiều

từ vựng một cách ngẫu nhiên nhưng việc học chủ động mang lại kết quả tích cực hơn trong việc lĩnh hội từ vựng [10]. Do đó việc dạy từ vựng ở trường đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Một trong những cách tốt nhất để học từ là gián tiếp thông qua các kỹ năng đọc và nghe, sau đó các từ mong muốn được thực hành trong viết và nói. Giáo viên có thể áp dụng phương pháp giảng dạy linh hoạt, tích hợp các hoạt động và tài liệu khác nhau, do đó người học có nhiều cơ hội học tập hơn thông qua việc học ngẫu nhiên. Điều này có nghĩa là họ đã có thể tiếp xúc với môi trường phong phú hơn về mặt từ vựng để tiếp thu. Học từ vựng một cách tình cờ và sau đó tập trung vào một tập hợp các từ mục tiêu có thể cung cấp cho người học cơ hội học các nhóm từ trong các cụm từ hoặc ngữ cảnh. Nó có thể khuyến khích họ học các từ ghép cũng như các cụm từ, phát âm, loại từ và nghĩa của từ. Thêm vào đó, hiện nay sự gia tăng của nhu cầu học trực tuyến cũng như sự đổi mới phương pháp trong giáo dục ví dụ như học kết hợp (blended learning), học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính, điện thoại sử dụng các ứng dụng (apps) cũng làm việc học từ vựng trở nên dễ dàng và đạt hiệu quả cao. Trong một nghiên cứu tại Hong Kong, Kohnke chỉ ra rằng việc học từ vựng sử dụng ứng dụng trên điện thoại mang lại động lực tích cực cho người học [5].

4. Kết luận

Sự phát triển kiến thức từ vựng của người học song ngữ được hỗ trợ mạnh mẽ bởi trang thiết bị học tập và môi trường học thuật. Tuy nhiên, các chương trình giáo dục song ngữ nên tính đến các yếu tố giảng dạy. Ví dụ, loại từ nào nên được dạy trước hoặc thời gian giảng dạy trong ngôn ngữ là bao nhiêu? Trẻ em thường học động từ tiếng Anh sớm hơn danh từ hoặc các cấu thành của lời nói. Tuy nhiên, dạy đại từ bằng cách kết nối với ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ mang lại kết quả đầy hứa hẹn.

⇒ Xem tiếp trang 134